TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2019/DS-ST
Ngày 10-6-2019
V/v "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trạng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Hải Dương

Ông Nguyễn Văn Hiển

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2019/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1954 (có mặt)
Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1956 (có mặt)
Cùng cư trú: Ấp TC, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn:* Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1974 (vắng mặt)
Bà Phạm Thị T, sinh năm 1969 (có mặt)
Cùng cư trú: Ấp TC, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị N thống nhất trình bày:

Vào ngày 10/12/2016 al, ông P và bà N có cho ông Đ và bà T vay 210.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng tương đương só tiền 10.050.000đ, thời hạn vay 05 tháng. Tuy nhiên, ông Đ và bà T thỏa thuận làm giấy nhận nợ chỉ 175.000.000 đồng, lãi suất hàng tháng 8.750.000đ, số tiền vay còn lại 35.000.000đ ông Đ và bà T sẽ trả sau khi hốt hụi nhưng không trả. Từ khi vay đến nay, ông Đ và bà T đã trả cho ông bà được 2.000.000đ vốn.

Ông bà khởi kiện yêu cầu ông Đ và bà T trả tổng số tiền 291.200.000đ (gồm 208.000.000đ tiền vốn vay và số tiền lãi trong hai năm tương đương số tiền 83.200.000đ).

Tại phiên tòa, ông bà xác định trong số tiền 210.000.000đ theo đơn khởi kiện có 7.000.000đ tiền lãi nên yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn vay 203.000.000đ, và số

tiền lãi 81.200.000đ, tổng số tiền yêu cầu bị đơn trả 282.200.000đ.

Bà Phạm Thị T trình bày:

Trước đây từ tháng 02 năm 2015 al đến trước ngày 10/12/2016 al, bà có vay của ông P và bà N nhiều lần. Đến ngày 10/12/2016 al, hai bên thỏa thuận tổng số tiền nợ là 210.000.000đ, trong đó có 7.000.000đ tiền lãi nhưng thống nhất làm biên nhận nợ 175.000.000đ, còn lại 35.000.000đ hai bên không làm biên nhận mà thỏa thuận khi bà T hốt hụi sẽ trả nhưng do bà nợ nhiều người nên không trả cho bà N và ông P được. Từ khi vay đến nay, bà có trả cho phía nguyên đơn được 2.000.000đ vốn và có đóng lãi nhưng không nhớ rõ số tiền đóng lãi là bao nhiêu và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh tổng số tiền bà đóng lãi cho nguyên đơn là bao nhiêu. Bà xác định khoản nợ nguyên đơn là nợ chung của bà T và ông Đ. Tại phiên tòa, bà T đồng ý trả số tiền 282.200.000đ theo yêu cầu của nguyên đơn.

Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Trần Văn Đ nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến giải trình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Văn Đ đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Đ là phù hợp.

[2] Về nội dung:

Về số tiền vốn vay: Ông P, bà N và bà T đều thống nhất xác định số tiền vốn vay 203.000.000đ. Tại đơn khởi kiện, ông P và bà N yêu cầu ông Đ và bà T trả 208.000.000đ vốn. Tuy nhiên tại phiên tòa, ông P và bà N yêu cầu ông Đ và bà T trả 203.000.000đ vốn. Xét thấy, việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về yêu cầu trả lãi: Tại phiên tòa, ông P và bà N yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi 81.200.000đ trong hai năm. Xét thấy số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả phù hợp khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Tại phiên tòa, bà T đồng ý trả cho nguyên đơn tổng số tiền 282.200.000đ là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật nên được ghi nhận.

Về trách nhiệm trả nợ: Ông Trần Văn Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản đối liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. bà T xác định khoản tiền vay nguyên đơn là nợ chung của bà và ông Đ. Nên có đủ cơ sở xác định khoản nợ 203.000.000đ là nợ chung của bà T và ông Đ

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P và bà N, buộc ông Đ và bà T trả cho ông P và bà N số tiền nợ vay 282.200.000đ.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông P và bà N không phải chịu. Ông Đ và bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463 và Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị N. Buộc ông Trần Văn Đ và bà Phạm Thị T trả số tiền nợ 282.200.000đ (hai trăm tám mươi hai triệu hai trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị N không phải chịu. Ông Trần Văn Đ và bà Phạm Thị T phải chịu 14.110.000đ (chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị N và bà Phạm Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Quốc Trạng